

Bản án số: 14/2026/DS-ST

Ngày: 30/01/2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN Khu vực 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

2. Bà Nguyễn Thị Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Dung – là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Thu Hường – Kiểm Sát Viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại Cơ sở 1 - Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 712/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1942;

Địa chỉ: 209/149/17 đường B, Phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1957

Địa chỉ: Số 80/14/8 đường C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2.2. Bà Bùi Thị C, sinh năm 1956

Địa chỉ: 42 đường X ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/8/2024 và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà Nguyễn Thị X có cho bà Bùi Thị C mượn số tiền 250.000.000 đồng và có ghi giấy mượn tiền do chính tay bà C viết. Bà đưa số tiền cho vay 250.000.000 đồng chia thành 3 lần:

Lần 1: bà đưa cho bà Bùi Thị C số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 24/3/2015

Lần 2: bà đưa cho bà Bùi Thị C số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 08/5/2015

Lần 3: bà đưa cho bà Bùi Thị C số tiền 120.000.000 đồng vào ngày 08/5/2015

Bà cho mượn tiền không lấy lãi. Bà đã nhiều lần yêu cầu bà C trả nợ nhưng bà C không trả. Khi mượn tiền thì bà C có nói là để bà C và ông Nguyễn Hữu T sử dụng.

Nay bà yêu cầu bà Bùi Thị C và ông Nguyễn Hữu T trả lại cho bà số tiền 250.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 06/01/2026 và các buổi làm việc tại Tòa án, bị đơn – bà Bùi Thị C trình bày:

Bà xác nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị X số tiền 250.000.000 đồng theo 03 đợt như bà X trình bày. Hiện nay do hoàn cảnh bà khó khăn nên bà đề nghị được trả góp mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại bản tự khai ngày 20/8/2025 và các buổi làm việc tại Tòa án, bị đơn – ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Ông có biết bà X từ lâu vì trước đây bà là bạn của ông. Ông và bà Bùi Thị C là bạn bè không phải vợ chồng. Nay bà X yêu cầu ông trả nợ thì ông không đồng ý vì ông không vay tiền của bà X, ông cũng không biết bà C vay tiền của bà X như thế nào.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X và các bị đơn bà Bùi Thị C, ông Nguyễn Hữu T đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự, thẩm phán, thư ký và hội đồng xét xử

tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị X khởi kiện “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với các bị đơn ông Nguyễn Hữu T và bà Bùi Thị C trong đó ông T có địa chỉ tại Số 80/14/8 đường C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X và các bị đơn bà Bùi Thị C, ông Nguyễn Hữu T đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả nợ đối với số tiền vay 250.000.000 đồng:

Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 24/3/2018 có chữ ký của bà Bùi Thị C và lời trình bày của các đương sự thì xác định. Bà Bùi Thị C có vay của bà Nguyễn Thị X số tiền 250.000.000 đồng. Hợp đồng vay không thời hạn và các bên có thỏa thuận về việc trả lãi 10.000.000 đồng/tháng. Thỏa thuận về việc vay tài sản của các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực.

Từ năm 2024 đến nay bà X đã nhiều lần yêu cầu bà C trả nợ nhưng bà C không trả nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy bà C không trả nợ vay là vi phạm khoản 1 Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Do đó yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc buộc bà C phải trả toàn bộ nợ gốc là 250.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Hữu T cùng trả nợ với bà Bùi Thị C.

Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 24/3/2018 và lời trình bày của các đương sự thì không có cơ sở xác định ông Nguyễn Hữu T có sử dụng số tiền mà bà C vay của bà X, ông T và bà C cũng không có quan hệ vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà X về việc buộc ông T cùng trả nợ.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn – bà Bùi Thị C được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 26; Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 147; khoản 2, Điều 227, Điều 228; khoản 2, Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; khoản 1, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị X:

Buộc bị đơn bà Bùi Thị C phải trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền nợ gốc là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị X về việc buộc ông Nguyễn Hữu T phải liên đới trả nợ số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Bùi Thị C được miễn án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Khu vực 1, Tp. HCM;
- THADS Khu vực 1, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TAND KHU VỰC 1



OTQ300126.TL.QDBA
8851

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Duy